

TCVN

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN 6384 : 1998

**MÃ SỐ MÃ VẠCH VẬT PHẨM –
MÃ UPC-A – YÊU CẦU KỸ THUẬT**

*Article Number and Bar Code –
The Universal Product Code (UPC-A) – Specification*

HÀ NỘI – 1998

Mã số mã vạch vật phẩm - Mã UPC-A - Yêu cầu kỹ thuật

Article Number and Bar Code - The Universal Product Code (UPC-A) - Specification

1 Phạm vi áp dụng

- 1.1 Tiêu chuẩn này qui định các yêu cầu kỹ thuật đối với mã số UPC-A, phù hợp với các qui định của Tổ chức mã số vật phẩm quốc tế (EAN International).
- 1.2 Tiêu chuẩn này áp dụng để sử dụng và quản lý mã số UPC-A trên toàn lãnh thổ Việt nam.
- 1.3 Tiêu chuẩn này không qui định mã vạch dùng để thể hiện mã số UPC-A.

2. Tiêu chuẩn trích dẫn

TCVN 6939 : 1996 Mã số vật phẩm - Mã số tiêu chuẩn 13 chữ số (EAN-VN13) - Yêu cầu kỹ thuật.

3 Thuật ngữ và khái niệm

Tiêu chuẩn này áp dụng một số thuật ngữ và khái niệm cơ bản sau đây.

- 3.1 Mã số vật phẩm: Theo TCVN 6939:1996.
- 3.2 Mã vạch: Theo TCVN 6939:1996.
- 3.3 Mã số UPC-A (Universal Product Code): là một dãy số gồm 12 chữ số dùng để phân định tổ hợp: công ty/sản phẩm.
- 3.4 Đơn vị tiêu dùng: Theo TCVN 6939:1996.
- 3.5 Đơn vị gửi đi: Theo TCVN 6939:1996.

4 Qui định chung

- 4.1 Mã UPC-A chỉ được sử dụng trên các sản phẩm để xuất khẩu đi Mỹ và Canada khi có yêu cầu của các đối tác nước ngoài.
- 4.2 Tất cả các doanh nghiệp đặt trên lãnh thổ Việt nam muốn sử dụng mã UPC-A trên sản phẩm của mình đều phải tuân thủ các thủ tục do Tổ chức mã số mã vạch Việt nam (EAN-VN) qui định và phải tuân thủ các yêu cầu qui định trong tiêu chuẩn này.
- 4.3 Mã UPC-A được sử dụng cho mọi vật phẩm, kể cả đơn vị tiêu dùng và đơn vị gửi đi.

5 Qui định kỹ thuật

Mã UPC-A là mã thông dụng cho vật phẩm. Mã UPC-A có cấu tạo như sau.

- 5.1 Mã UPC-A gồm một dãy mười hai chữ số nguyên dương có giá trị từ 0 đến 9, có cấu tạo gồm bốn phần như trong bảng 1.

Bảng 1

Mã số hệ thống	Mã số doanh nghiệp	Mã số mặt hàng	Số kiểm tra
(0) S	M M M M M	I I I I I	C

- 5.2 Mã số hệ thống (System number – S): gồm một chữ số, với các vật phẩm thông dụng S có thể là 0, 6 hoặc 7. Các giá trị khác của S được sử dụng trong các trường hợp cụ thể theo phụ lục A của tiêu chuẩn này.

Chú thích - Để tương hợp với trường của mã EAN-VN13 gồm 13 chữ số, mã UPC-A 12 chữ số có thể được coi là mã số 13 chữ số với một số không (0) đứng trước S.

- 5.3 Mã số doanh nghiệp (Manufacture's number – M): gồm năm chữ số do tổ chức UCC (Uniform Code Council) cấp cho các doanh nghiệp thành viên của EAN-VN muốn sử dụng mã UPC-A trên sản phẩm của mình thông qua đại diện tại Việt nam là tổ chức EAN-VN.

- 5.4 Mã số mặt hàng (Item number – I): gồm năm chữ số, do doanh nghiệp sở hữu mã số doanh nghiệp nêu trên (5.3) cấp cho từng loại mặt hàng của mình.

Sau khi cấp mã số mặt hàng cho các mặt hàng của mình, các doanh nghiệp có trách nhiệm đăng ký mã số mặt hàng này với EAN-VN để quản lý chung.

- 5.5 Số kiểm tra (Check digit – C): gồm một chữ số. Số này được tính từ mười một chữ số nêu trên (từ 5.2 đến 5.4) theo thuật toán tiêu chuẩn nêu ở TCVN 6939:1996.

Ví dụ: Tính số kiểm tra của mã 01234567890 C

Bước 1:	$0 + 8 + 6 + 4 + 2 + 0$	$= 20$
Bước 2:	20×3	$= 60$
Bước 3:	$9 + 7 + 5 + 3 + 1$	$= 25$
Bước 4:	$60 + 25$	$= 85$
Bước 5:	$90 - 85$	$= 5$
	C	$= 5$

Mã UPC-A đầy đủ trong trường hợp này là 0 12345 67890 5. Cơ cấu mã số này được thể hiện trong hình 1 nêu ở phụ lục B của tiêu chuẩn này.

Phụ lục A
(Tham khảo)

Bảng cấp mã số hệ thống

Mã số hệ thống (S)	Qui định sử dụng
0, 6, 7	Mã UPC-A thông dụng cho vật phẩm
2	Vật phẩm khối lượng không cố định
3	Mã dược phẩm quốc gia và vật phẩm liên quan đến bảo vệ sức khỏe
4	Dùng ghi nhãn trong kho (trừ thực phẩm)
5	Dùng cho các loại phiếu
1, 8, 9	Dự trữ

Phụ lục B
(Tham khảo)

Ví dụ cấu trúc mã UPC-A



Hình 1 - Mã UPC-A